



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /ĐA-UBND

Gia Lai, ngày 29 tháng 6 năm 2026

ĐỀ ÁN

**Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ giảng viên
giáo dục nghề nghiệp lý thuyết lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính
của Trường Cao đẳng Gia Lai và Trường Cao đẳng Y tế năm 2026**

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019.
- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, xếp lương thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 10/2024/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, xếp lương thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.
- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.
- Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Công văn số 8268/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 15/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục rà soát, thực hiện việc bổ nhiệm, thăng hạng CDNN giáo viên.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trong giai đoạn hiện nay, việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên có vai trò hết sức quan trọng, là lực lượng quyết định trực tiếp đến chất lượng giáo dục và sự phát triển của hệ thống giáo dục quốc dân, là yếu tố then chốt, quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo. Trong đó, xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu chức danh theo vị trí việc làm, đảm bảo về chất lượng là một trong những giải pháp hết sức quan trọng và cấp thiết để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, không chỉ là yêu cầu từ thực tiễn giảng dạy mà còn là điều kiện bắt buộc để thực hiện tự chủ và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Trường Cao đẳng Gia Lai và Trường Cao đẳng Y tế là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3), hiện có 42 viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) lên Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II), bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp phù hợp. Việc cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức của các đơn vị là cần thiết, tạo điều kiện trong việc bố trí, sử dụng viên chức theo đúng vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định, đồng thời thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách tiền lương để tiếp tục động viên, khuyến khích viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; theo đó, việc xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) là cần thiết để đảm bảo sự cân đối trong cơ cấu viên chức và đáp ứng nhu cầu công việc tại vị trí việc làm.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG

1. Mục đích, yêu cầu

Thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật hiện hành;

Thực hiện đúng Quy chế, Nội quy xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

Thực hiện bố trí đúng vị trí việc làm, phù hợp với trình độ, năng lực của viên chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức.

Động viên, khuyến khích viên chức tự giác học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí công tác và tạo điều kiện cho đơn vị bố trí viên chức đúng vị trí việc làm, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh

nghề nghiệp theo quy định. Kịp thời thực hiện chế độ, chính sách tiền lương và các quyền lợi hợp pháp của đội ngũ viên chức.

2. Nguyên tắc

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

Việc cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. THỰC TRẠNG VỀ SỐ LƯỢNG CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ XUẤT CHỈ TIÊU

1. Thực trạng cơ cấu viên chức

a) Trường Cao đẳng Gia Lai:

Vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Gia Lai được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) phê duyệt tại Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 30/03/2024, gồm có 04 hạng như sau:

Hạng I và tương đương: 06 viên chức, chiếm tỷ lệ 3%.

Hạng II và tương đương: 104 viên chức, chiếm tỷ lệ 57%.

Hạng III và tương đương: 70 viên chức, chiếm tỷ lệ 38%.

Hạng IV và tương đương: 04 viên chức, chiếm tỷ lệ 2%.

Hiện nay, Trường có tổng số viên chức là 158/184 biên chế được giao, gồm 25 viên chức giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng II và tương đương (tỷ lệ 16%), 129 viên chức giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III và tương đương (tỷ lệ 82%), viên chức giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV và tương đương là 04 người (tỷ lệ 3%).

b) Trường Cao đẳng Y tế:

Vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Y tế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) phê duyệt tại Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 30/3/2024, gồm có 03 hạng như sau:

Hạng I và tương đương: 08 viên chức, chiếm tỷ lệ 10%.

Hạng II và tương đương: 40 viên chức, chiếm tỷ lệ 50%.

Hạng III và tương đương: 32 viên chức, chiếm tỷ lệ 40%.

Hiện nay, Trường có tổng số viên chức là 72/80 biên chế được giao; trong đó, 01 viên chức giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng II và tương đương (tỷ lệ 1%), 67 viên chức giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III và tương đương (tỷ lệ 93%) và 04 viên chức giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV và tương đương (tỷ lệ 6%).

Bảng cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp và viên chức hiện có mặt

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Hạng I và tương đương		Hạng II và tương đương		Hạng III và tương đương		Hạng IV và tương đương	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
I	TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIA LAI									
1	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm	184	6	3%	104	57%	70	38%	4	2%
2	Viên chức hiện có mặt	158		0%	25	16%	129	82%	4	3%
3	Chênh lệch giữa cơ cấu hạng và số lượng viên chức hiện có mặt	26	6	23%	79	304%	-59	-227%	0	0%
II	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ									
1	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm	80	8	10%	40	50%	32	40%		0%
2	Viên chức hiện có mặt	72		0%	1	1%	67	93%	4	6%
3	Chênh lệch giữa cơ cấu hạng và số lượng viên chức hiện có mặt	8	8	100%	39	49%	-35	-53%	-4	-6%

2. Chỉ tiêu xét thăng hạng: 42 chỉ tiêu.

3. Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ứng với vị trí việc làm có nhu cầu bố trí viên chức ở hạng chức danh nghề nghiệp ngạch giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02 (chi tiết có Phụ lục II kèm theo Đề án này).

IV. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

a) Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức như sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

b) Ngoài tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản này, thì phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02 theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2024/TT-BLĐTBXH). Cụ thể như sau:

- Tiêu chuẩn về nhiệm vụ:

Giảng dạy lý thuyết hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; giảng dạy trình độ sơ cấp; đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học.

Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp cơ sở trở lên; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước.

Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy; thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn.

Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bộ môn, khoa, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Hướng dẫn người học làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho người học tham gia kỳ thi tay nghề các cấp.

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Giảng viên dạy lý thuyết có bằng thạc sĩ trở lên; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

Có kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy.

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính theo yêu cầu vị trí việc làm.

Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp.

Chủ biên hoặc tham gia biên soạn 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên khảo hoặc 02 (hai) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã xuất bản.

Chủ trì thực hiện 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 01 (một) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc trong nước (trong danh mục có tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước).

Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, cấp bộ hoặc Hội giảng giáo viên dạy nghề cấp tỉnh hoặc Hội thi giáo viên dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Hội giảng cấp tỉnh) hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải ba trở lên trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Hội thi thiết bị tự làm cấp tỉnh) hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) giảng viên, giáo viên đạt giải trong Hội giảng cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) người học đạt giải trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.

Trong đó, trường hợp viên chức không đạt 01 (một) trong 03 (ba) tiêu chuẩn quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản này thì 01 (một) trong 02 (hai) tiêu chuẩn còn lại phải đạt gấp 02 (hai) lần.

Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên - Mã số 15.111 hoặc giáo viên trung học - Mã số 15.113 hoặc giảng viên (hạng III) - Mã số V.07.01.03 hoặc giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

V. ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trường Cao đẳng Gia Lai, Trường Cao đẳng Y tế chịu trách nhiệm cử viên chức xét thăng hạng như sau:

a) Lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02 theo quy định hiện hành và Đề án này.

b) Quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02 và gửi kèm hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Hội đồng xét thăng hạng viên chức của tỉnh.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thành phần hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, gồm:

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ (mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức).

b) Bản nhận xét đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập đối với viên chức về tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

c) Bản sao các văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

d) Bản sao các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch/hạng chức danh nghề nghiệp, nâng lương, xếp lương gần nhất và các thành tích khen thưởng (nếu có).

e) Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02.

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng hồ sơ, ghi đầy đủ thông tin cá nhân và thành phần hồ sơ theo quy định.

VI. HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hình thức: Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

2. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định hiện hành và Đề án này đối với viên chức dự xét thăng hạng.

3. Xác định người trúng tuyển: Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

a) Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận.
- Viên chức là nữ.
- Viên chức là người dân tộc thiểu số.
- Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh).
- Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

c) Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định người trúng tuyển.

VII. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của tỉnh

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, gồm 05 hoặc 07 thành viên như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Nội vụ.
- c) Các ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- d) 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là lãnh đạo Phòng Công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Cơ quan Thường trực của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp là Sở Nội vụ, được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Nội vụ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người dự xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

VIII. BỔ NHIỆM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG KHI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức lãnh đạo, quản lý trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

2. Hiệu trưởng các Trường cao đẳng bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.

3. Việc xếp lương đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng

- Thời gian: Dự kiến tổ chức trong tháng 7/2026.

- Địa điểm: Tại trụ sở làm việc của Sở Nội vụ (địa chỉ: số 180, đường Tăng Bạt Hổ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai).

2. Kinh phí thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

3. Sở Nội vụ

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng, Ban giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp xét viên chức theo quy định. Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện theo Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ.

b) Tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phối hợp với Trường Cao đẳng Gia Lai và Trường Cao đẳng Y tế triển khai thực các nội dung của Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

d) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, trình Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính dự toán các nội dung chi và định mức chi cho kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g) Chuẩn bị các điều kiện, cơ sở vật chất phục vụ kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

4. Trường Cao đẳng Gia Lai và Trường Cao đẳng Y tế

a) Thông báo công khai đến viên chức các nội dung Đề án này để viên chức biết lập hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Căn cứ danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng kèm theo Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh, các đơn vị rà soát, cử viên chức và lập hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

c) Lưu trữ tài liệu, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại về các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm trước pháp luật, người đứng đầu cơ quan, đơn vị về tính chính xác, trung thực các nội dung hồ sơ cá nhân đăng ký và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự xét; đồng thời cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh để kiểm tra, theo dõi.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền. *W*

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ, Sở Tài chính;
- Trường Cao đẳng Gia Lai;
- Trường Cao đẳng Y tế;
- Lưu: VT, CI. *pt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

Phụ lục 2

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG CDNN TỪ CHỨC DANH GIẢNG VIÊN GDNN LÝ THUYẾT HẠNG III LÊN CHỨC DANH GIẢNG VIÊN GDNN CHÍNH HẠNG II NĂM 2026

(Kèm theo Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
I	TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIA LAI																
01	Phạm Văn Điều	16/03/1973		Hiệu trưởng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	30	4,98+ VK 5%	V.09.02.03	Thạc sĩ	Cao cấp	X	X	Tin học ứng dụng	Anh C	X		
02	Nguyễn Minh Nhựt	14/04/1977		Phó Hiệu trưởng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	21	4,32	V.09.02.03	Thạc sĩ	Cao cấp	X	X	B	Anh C	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
03	Trịnh Văn Thành	06/7/1977		Trưởng phòng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	14	4,32	V.09.02.03	Thạc sĩ	Cao cấp	X	X	B	Anh B	X		
04	Nguyễn Thị Như Ngọc		01/10/1987	Phó trưởng khoa	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	14	3,66	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	Tin học cơ bản	Anh B	X		
05	Dương Hải Yến		01/5/1981	Phó trưởng khoa	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	22	4,32	V.09.02.03	Đại học	Trung cấp	X	X	B	Anh B	X		
06	Lý Quang Minh	10/12/1976		Phó trưởng phòng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	13	4,32	V.09.02.03	Đại học	Trung cấp	X	X	B	Tiếng Anh A2	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
07	Phạm Như Phẩm	02/6/1983		Phó trưởng phòng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	8	3,99	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	B	Tiếng Anh B1	X		
08	Nguyễn Thị Việt Hà		24/3/1988	Trưởng phòng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	15	3,66	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	B	Tiếng Anh B1	X		
09	Hoàng Thị Tuyết		12/11/1978	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	24	4,65	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C	X		
10	Ngô Nam Thắng	19/5/1975		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	29	4,98+V K 6%	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	B	Anh B1	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương		Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
11	Huỳnh Ngọc Tinh	20/11/1979		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	15	3,66	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	B	Anh B	X		
12	Đào Thị Xuân Kiều		29/11/1984	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	20	4,32	V.09.02.03	Thạc sĩ		X	X	B	Pháp B1	X		
13	Hồ Tiến Thông	10/6/1980		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	17	3,99	V.09.02.03	Đại học		X	X	B	Anh B	X		
14	Trần Hữu Hào	09/08/1989		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	12	3,33	V.09.02.03	Đại học		X	X	A	Anh B	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
15	Nguyễn Minh Dương	20/2/1990		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	13	3,66	V.09.02.03	Đại học		X	X	B	Anh B	X		
16	Đoàn Thiện Cảnh	02/4/1988		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	14	3,66	V.09.02.03	Đại học		X	X	B	Anh B	X		
17	Đoàn Xuân Truyền	17/4/1990		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	13	3,66	V.09.02.03	Đại học		X	X	B	Anh B	X		
18	Vũ Văn Tuất	06/06/1982		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	18	3,99	V.09.02.03	Đại học	Trung cấp	X	X	ĐH	Anh B	X		
19	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		04/7/1984	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	19	3,99	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	B	Anh B	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
					thuyết (Hạng III)												
20	Tô Phương Thảo	19/02/1979		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	20	4,32	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	Cơ bản	Anh B	X		
21	Hồ Thị Ngọc Thúy		12/4/1984	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	21	4,32	V.09.02.03	Thạc sĩ		X	X	B	Anh ĐH	X		
22	Trần Thị Thanh Thảo		05/01/1984	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	13	3,66	V.09.02.03	Thạc sĩ		X	X	B	Anh B	X		
23	Nguyễn Đỗ Lan Quỳnh		12/08/1989	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	14	3,66	V.09.02.03	ĐH		X	X	Kỹ thuật viên tin học	Anh B	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
24	Đặng Thị Minh Nhứt		25/06/1982	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	18	3,99	V.09.02.03	ĐH	Trung cấp	X	X	A	Anh B	X		
25	Hoàng Văn Thủy	04/12/1991		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	11	3,33	V.09.02.03	Đại học	Trung cấp	X	X	A	Anh C	X		
26	Nguyễn Thị Lan		02/02/1987	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	14	3,66	V.09.02.03	ĐH		X	X	C	Anh B	X		
27	Trần Trọng Tinh	28/5/1988		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	12	3,66	V.09.02.03	Thạc sĩ		X	X	A	Anh B	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
28	Trần Thanh Văn	16/09/1980		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	20	4,32	V.09.02.03	Thạc sĩ			X	X	A	Anh B1	X	
29	Nguyễn Thị Nhân		10/8/1986	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	14	3,66	V.09.02.03	Thạc sĩ			X	X	ĐH	Anh C	X	
30	Phạm Vũ Phương Thủy		17/5/1985	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	20	4,32	V.09.02.03	Thạc sĩ			X	X	A	Anh ĐH	X	
31	Đinh Thị Hòa		04/10/1987	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	15	3,66	V.09.02.03	Đại học			X	X	B	Anh B	X	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
32	Trần Ngọc Hòa	10/10/1982		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	18	3,99	V.09.02.03	Đại học	Trung cấp	X	X	B	Anh B	X		
33	Trương Thanh Tuyền	11/3/1991		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	11	3,33	V.09.02.03	Đại học		X	X	Cơ bản	Anh B	X		
34	Dương Thị Ngọc Linh	25/8/1986		Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	14	3,66	V.09.02.03	ĐH		X	X	B	Anh B	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
35	Vũ Thị Thanh Hương		07/8/1987	Phó trưởng khoa	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	15	3,66	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	B	Cử nhân tiếng Anh	X		
36	Lê Thị Kim Ngân		20/01/1984	Giảng viên	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	16	3,99	V.09.02.03	Thạc sĩ	Trung cấp	X	X	B	Cử nhân tiếng Anh	X		
II	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ																
01	Bùi Lê Vĩ Chính	15/6/1975		Hiệu trưởng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	24	4,65	V.09.02.03	Tiến sĩ Y tế công cộng	Cao cấp	X	X	CNTT nâng cao	Anh B2	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
02	Trần Văn Minh	20/10/1968		Phó Hiệu trưởng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	33	4,98 (vượt khung 8%)	V.09.02.03	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Cao cấp	X	X	CNTT cơ bản	Anh C	X		
03	Lê Thị Năng		12/6/1971	Trưởng khoa Điều dưỡng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	18	4,98	V.09.02.03	Thạc sĩ Điều dưỡng	Trung cấp	X	X	CNTT cơ bản	Anh C	X		
04	Trần Công Toại	20/10/1988		Phụ trách Phòng Đào tạo	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	15	3,66	V.09.02.03	Tiến sĩ Điều dưỡng	Trung cấp	X	X	B	Anh B	X		
05	Lê Minh Khả	01/01/1979		Phó Khoa Điều dưỡng	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	23	4,32	V.09.02.03	Thạc sĩ Điều dưỡng	Trung cấp	X		Đại học	Anh B	X		

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
06	Nguyễn Thị Lệ Thương		10/7/1973	Phó Trưởng khoa Y	Giảng viên GDNN lý thuyết (Hạng III)	25	4,65	V.09.02.03	Thạc sĩ Điều dưỡng	Trung cấp	X	X	CN TT cơ bản	Đại học Tiếng Anh	X		

(Danh sách có 42 người)